

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI MINH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI MINH SERVICE TRADING AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HAI MINH SETRACONS., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109763948

3. Ngày thành lập: 06/10/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26, ngõ 247 phố Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936326698

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
2.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
3.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
4.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng các loại nấm.	0118
5.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
6.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
7.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
8.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
9.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
10.	Nuôi trồng thủy sản biển Nhóm này gồm: - Nuôi trồng các loại thủy sản ở môi trường nước mặn (bãi triều, ven biển, biển khơi. - Sản xuất giống thủy sản biển: Nhóm này gồm các hoạt động tạo giống, ươm giống và thuần dưỡng giống các loại thủy sản (cá, tôm, thủy sản khác) nhằm mục đích bán để nuôi thương phẩm, nuôi làm cảnh, nuôi giải trí trong các môi trường nước mặn.	0321

11.	Nuôi trồng thủy sản nội địa Nhóm này gồm: - Nuôi trồng các loại thủy sản ở môi trường nước mặn (bãi triều, ven biển, biển khơi. - Sản xuất giống thủy sản biển: Nhóm này gồm các hoạt động tạo giống, ương giống và thuần dưỡng giống các loại thủy sản (cá, tôm, thủy sản khác) nhằm mục đích bán để nuôi thương phẩm, nuôi làm cảnh, nuôi giải trí trong các môi trường nước mặn	0322
12.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
13.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
14.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
15.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
16.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
17.	Xay xát và sản xuất bột thô Nhóm này gồm: - Hoạt động xay xát gạo: sản xuất gạo bằng cách tách vỏ trấu, xay xát, đánh bóng, lược qua. - Sản xuất bột thô: Sản xuất bột mỳ, yến mạch, thức ăn hoặc viên thức ăn từ lúa mỳ, lúa mạch đen, yến mạch, ngô và các hạt ngũ cốc khác; - Sản xuất bột gạo; - Xay rau: Sản xuất bột hoặc thức ăn từ các loại đậu, các rễ thân cây hoặc các hạt ăn được khác; - Chế biến đồ ăn sáng từ ngũ cốc; - Sản xuất bột hỗn hợp hoặc bột đã trộn sẵn làm bánh mỳ, bánh quy và bánh ngọt.	1061
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620(Chính)
19.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
20.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Bán buôn thực phẩm khác	4632
21.	Sản xuất cà phê	1077
22.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

25.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
27.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7911
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
29.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
30.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
31.	Xây dựng nhà để ở	4101
32.	Xây dựng nhà không để ở	4102
33.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35.	Xây dựng công trình điện	4221
36.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
37.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
38.	Xây dựng công trình công ích khác Nhóm này gồm: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Nhóm này gồm: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.	4299
40.	Xây dựng công trình thủy	4291
41.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
42.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
43.	Phá dỡ	4311
44.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

45.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
46.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
47.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
48.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc Hoạt động đo đạc bản đồ Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước Lập thiết kế quy hoạch xây dựng Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng Tư vấn quản lý dự án Khảo sát xây dựng Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng Thi công xây dựng công trình	7110
49.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: Các dịch vụ đa dạng phục vụ khách hàng tiêu dùng. Gồm những hoạt động có kỹ năng chuyên môn, khoa học và công nghệ: - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...	7490
50.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Phòng B2201 Chung cư Tứ Hiệp , Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	0171880008 77	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
2	NGUYỄN TRỌNG THỂ	Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	45,000	0340770100 47	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	45,000		

3	TÔ THANH TÙNG	Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	034079004820
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000	
4	NGUYỄN VĂN DUYỆT	Thôn Định Trung 1, Xã An Định, Huyện Tuy An, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	221448223
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000	
5	NGUYỄN ĐỨC ANH	Xóm 4, Xã Tây Lương, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	034097005827
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TÔ THANH TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/09/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034079004820

Ngày cấp: 26/10/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 26, ngõ 247 phố Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 26, ngõ 247 phố Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội